

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO CỬ NHÂN THỂ DỤC THỂ THAO CHUYÊN NGÀNH ĐIỀN KINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN 2030

Vũ Quỳnh Như⁽¹⁾; Trần Ngọc Dũng⁽¹⁾
Chu Vương Thìn⁽²⁾

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học các tác giả đã đánh giá được thực trạng và xu hướng nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực TDTT, làm cơ sở xác định định hướng công tác đào tạo cử nhân thể dục thể thao (TDTT) chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế đến năm 2025 và tầm nhìn 2030.

Từ khóa: Thực trạng, nhu cầu xã hội, định hướng đào tạo, chuyên ngành Điền kinh.

Current status and educational orientation of Sports Bachelor in Athletics at Bac Ninh Sports University social in order to satisfy society's demand by 2025 with a vision to 2030

Summary:

Through regular scientific research methods, the topic has assessed the current situation and trend of social demand for human resources. The results served as a basis to determine educational orientation of Sports Bachelor in Athletics at Bac Ninh Sports University social in order to satisfy society's demand and international globalization by 2025 with a vision to 2030.

Keywords: Situation, social demand, educational orientation, athletics major.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Bộ môn Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã không ngừng lớn mạnh, góp phần tích cực vào công tác đào tạo chung của Nhà trường. Với 50 lớp chuyên ngành Điền kinh đại học chính quy và hàng chục lớp chuyên ngành hệ trung học, cao đẳng, hoàn thiện và tại chức, Bộ môn đã đào tạo được hàng trăm cán bộ TDTT cho đất nước. Sinh viên chuyên ngành Điền kinh tốt nghiệp đã có mặt ở mọi miền Tổ quốc, nhiều người trong số đó đã trở thành những cán bộ quản lý, lãnh đạo các cấp, huấn luyện viên (HLV) các đội tuyển hay trở thành những giáo viên TDTT của các cơ sở đào tạo. Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn đổi mới đã mang lại nhiều thuận lợi cho công tác đào tạo của các trường, song cũng xuất hiện không ít những thách thức trước những đòi hỏi đặt ra của cơ chế thị trường đầy năng động. Yêu cầu sản phẩm đào tạo phải là những cán bộ có trình độ, năng

lực chuyên môn giỏi, có đạo đức tốt để đáp ứng với những yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển đất nước và xu thế hội nhập quốc tế. Để đáp ứng được yêu cầu đặt ra, việc đánh giá chính xác thực trạng và đề xuất định hướng đào tạo cử nhân TDTT chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đến năm 2025 và tầm nhìn 2030 là một nhiệm vụ có tính chiến lược và có giá trị thực tiễn trong hoạt động đào tạo của Nhà trường.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp phân tích SWOT; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng và xu hướng nhu cầu xã hội đối với nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

⁽²⁾ThS, Trường Đại học Tây Bắc

1. Xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh giai đoạn 2025 và tầm nhìn 2030

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp bằng phiếu hỏi đối với 35

cán bộ quản lý tại các đơn vị cơ sở đang trực tiếp sử dụng lao động là cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn đánh giá xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh giai đoạn 2025 và tầm nhìn 2030 (n=35)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn					Tổng điểm	Điểm trung bình
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Ít cần thiết	Không cần thiết		
Xu hướng phát triển nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh								
1	Làm việc tại cơ quan nhà nước không chuyên về TDTT	33	2	0	0	0	173	4.94
2	Làm việc tại các đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TDTT	35	0	0	0	0	175	5
3	Làm việc tại các cơ sở dịch vụ TDTT tư nhân	35	0	0	0	0	175	5
Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh								
4	Huấn luyện viên Điện kinh	30	3	2	0	0	168	4.8
5	Giáo viên Điện kinh	31	2	2	0	0	169	4.83
6	Hướng dẫn viên Điện kinh	29	3	3	0	0	166	4.74

Như vậy có thể thấy: Xu hướng phát triển nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh là: Làm việc tại cơ quan nhà nước không chuyên về TDTT, làm việc tại các cơ sở dịch vụ TDTT tư nhân và làm việc tại các đơn vị, cơ sở nhà nước chuyên về TDTT được quan tâm và được đánh giá là rất cần thiết. Về dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh: HLV Điện kinh, giáo viên Điện kinh được cho là có nhu cầu cao và cuối cùng là hướng dẫn viên Điện kinh.

1.2. Thực trạng môi trường công tác của sinh viên chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh một số năm gần đây

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi tiến hành khảo sát đặc điểm môi trường công tác của sinh viên chuyên ngành Điện kinh sau khi tốt nghiệp ra trường giai đoạn 2014-2019. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Như vậy, tính đến thời điểm phỏng vấn, số sinh viên chuyên ngành Điện kinh gần nhất thuộc

khóa Đại học 51 đã tốt nghiệp ra trường được 2 năm. Trong số 146 sinh viên tốt nghiệp của 6 khóa, có tới 90.80% sinh viên có việc làm. Trong đó, số sinh viên công tác trong lĩnh vực TDTT là 60.69 %. Số sinh viên tìm được việc trong lĩnh vực giáo dục chiếm tỷ lệ đông nhất là 38.36%, còn lại 31.50% sinh viên tốt nghiệp phải làm việc ở các lĩnh vực khác như: Kinh doanh, công tác Đoàn hoặc tham gia nghĩa vụ quân sự... Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm của các khóa ra trường gần đây có xu hướng tăng.

Kết quả khảo sát thực trạng việc làm của sinh viên ra trường trong những năm gần đây cũng đã phản ánh đúng xu hướng phát triển nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh. Kết quả cũng cho thấy, so với các chuyên ngành đào tạo khác của Trường thì sinh viên cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh sau khi tốt nghiệp đã có việc làm chiếm tỷ lệ cao hơn, hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực chuyên ngành Điện kinh giai đoạn 2025 và tầm nhìn 2030.

Bảng 2. Thực trạng môi trường công tác của sinh viên chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh một số năm gần đây

Năm	Khóa	Số SV tốt nghề nghiệp	Môi trường công tác của số sinh viên đã có việc làm						Số SV chưa có việc làm	
			Ngành HLTT		Ngành GDTC		Ngành khác			
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2014	46	31	17	54.84	11	35.48	3	9.68	0	0.00
2015	47	22	2	9.09	17	77.27	3	13.64	0	0.00
2016	48	31	3	9.68	12	38.71	14	45.16	2	6.45
2017	49	22	2	9.09	4	18.18	12	54.55	4	18.18
2018	50	22	7	31.82	8	36.36	2	9.09	5	22.73
2019	51	18	2	11.11	4	22.22	12	66.67	4	22.22
Tổng		146	33	22.60	56	38.36	46	31.51	15	10.27

2. Thực trạng đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

2.1. Xác định tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Thông qua tham khảo các tài liệu chuyên môn và mục tiêu chương trình đào tạo trình độ cử nhân chuyên ngành Điện kinh đang áp dụng chúng tôi đã xác định được 17 tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và tiến hành phỏng vấn các chuyên gia về lĩnh vực quản lý đào tạo để lựa chọn bằng phiếu hỏi với thang Likert tương ứng với 5 mức đánh giá từ 1 tới 5 điểm. Kết quả cho thấy, cả 17 tiêu chí thuộc 3 nhóm đều phỏng vấn đều đạt ở mức cần thiết và rất cần thiết, vì vậy chúng tôi lựa chọn cả 17 tiêu chí để đưa vào đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Cụ thể gồm: Nhóm tiêu chí về kiến thức: 5 tiêu chí; Nhóm tiêu chí về kỹ năng: 8 tiêu chí; Nhóm tiêu chí về thái độ: 4 tiêu chí.

2.2. Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để tìm hiểu và làm rõ vấn đề này, đề tài đã tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng việc làm của cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh thông

qua các tiêu chí đã được lựa chọn. Quá trình đánh giá chúng tôi nhìn nhận dưới 3 góc độ: Một là dựa trên sự đánh giá của người quản lý tại cơ sở tuyển dụng lao động (Nhóm 1: gọi chung là người sử dụng lao động); Hai là sự đánh giá của bản thân các cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh đã có việc làm và có công việc phù hợp với ngành đào tạo (Nhóm 2: gọi chung là người lao động) và ba là dựa trên sự đánh giá của các nhà quản lý, giáo viên giảng dạy tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (Nhóm 3: gọi chung là cơ sở đào tạo). Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.

Kết quả bảng 3 cho thấy:

Đối với nhóm tiêu chí kiến thức: Có 2 tiêu chí được cả 3 nhóm đánh giá đạt Khá trở lên đó là kiến thức lý thuyết về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành và kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDTT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao, tuy nhiên, tiêu chí về kiến thức nghiệp vụ sư phạm, là các kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, chưa có sự đồng nhất trong đánh giá của 3 nhóm.

Đối với các nhóm tiêu chí về kỹ năng: Cả 8 tiêu chí đều được cơ sở đào tạo đánh giá đạt khá và tốt, tuy nhiên chỉ có 1 tiêu chí về kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo là đạt được sự đánh giá đồng thuận từ người lao động và cơ sở tuyển dụng lao động.

Đối với kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và vận động người tập luyện cũng vậy, nếu như người lao động tự nhận định rằng, trong quá trình làm việc, không gặp khó khăn gì trong việc

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí	Nhóm 1 (n=128)			Nhóm 2 (n=50)			Nhóm 3 (n=50)			Tổng		
		Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Điểm TBC	Đánh giá	
Nhóm tiêu chí về kiến thức													
1	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	366	2.86	TB	131	2.62	TB	217	4.34	Tốt	3.27	TB	
2	Kiến thức về kỹ thuật chuyên ngành ĐK	457	3.57	Khá	193	3.86	Khá	228	4.56	Tốt	4	Khá	
3	Kiến thức về lý thuyết chuyên môn của chuyên ngành ĐK	451	3.52	Khá	177	3.54	Khá	236	4.72	Tốt	3.93	Khá	
4	Kiến thức về quản lý, điều hành, pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực TĐTT	381	2.98	TB	133	2.66	TB	178	3.56	Khá	3.07	TB	
5	Kiến thức nền tảng về lĩnh vực TĐTT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn	366	2.86	TB	131	2.62	TB	217	4.34	Tốt	3.27	TB	
Nhóm các tiêu chí về kỹ năng													
6	Kỹ năng truyền đạt và tổ chức giảng dạy chuyên ngành ĐK	545	4.26	Tốt	228	4.56	Tốt	241	4.82	Tốt	4.55	Tốt	
7	Kỹ năng thực hành các kỹ thuật khác nhau của chuyên ngành ĐK	380	2.97	TB	154	3.08	TB	193	3.86	Khá	3.3	TB	
8	Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài chuyên ngành ĐK	387	3.02	TB	123	2.46	Yếu	186	3.72	Khá	3.07	TB	
9	Kỹ năng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường	443	3.46	Khá	143	2.86	TB	176	3.52	Khá	3.28	TB	
10	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	425	3.32	TB	164	3.28	TB	177	3.54	Khá	3.38	TB	
11	Kỹ năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	387	3.02	TB	143	2.86	TB	184	3.68	Khá	3.19	TB	
12	Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	436	3.41	Khá	134	2.68	TB	185	3.7	Khá	3.26	TB	
13	Kỹ năng thu hút, giao tiếp xã hội và vận động người tập luyện	448	3.5	Khá	141	2.82	TB	193	3.86	Khá	3.39	TB	
Nhóm các tiêu chí về thái độ													
14	Tinh độc lập, tự chủ và sáng tạo	366	2.86	TB	131	2.62	TB	217	4.34	Tốt	3.27	TB	
15	Tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị	457	3.57	Khá	193	3.86	Khá	228	4.56	Tốt	4	Khá	
16	Tác phong làm việc nghiêm túc	451	3.52	Khá	177	3.54	Khá	236	4.72	Tốt	3.93	Khá	
17	Tuân thủ chủ trương, pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị công tác	425	3.32	TB	164	3.28	TB	177	3.54	Khá	3.38	TB	

giao tiếp với người học và đồng nghiệp, tuy nhiên, ở đây, đơn vị sử dụng lao động lại cho rằng, tiêu chí này chỉ đạt mức độ TB vì công việc đòi hỏi không chỉ dừng ở mức độ giao tiếp bình thường mà người lao động cần thu hút được người tập luyện, truyền được động lực cho người tập và tạo cho họ sự hứng thú khi tham gia tập luyện, tránh các buổi tập luyện, giảng dạy nhàm chán.

Đặc biệt, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tự định hướng và khả năng tự thích ứng với sự thay đổi của công việc của cử nhân chỉ được đơn vị sử dụng lao động đánh giá ở mức độ TB, bên cạnh đó, tự bản thân người lao động cũng nhận thấy các tiêu chí trên chỉ đạt ở mức độ TB.

Về nhóm tiêu chí thái độ: Về cơ bản, các tiêu chí đưa ra đều có đánh giá đạt sự đồng thuận ở cả 3 nhóm và đạt mức độ Tốt. Riêng tiêu chí về

Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo, mặc dù cơ sở đào tạo đánh giá rằng chương trình đào tạo đã đáp ứng tốt và bản thân người lao động cũng đánh giá ở mức Khá, thì đơn vị sử dụng lao động lại chỉ đánh giá ở mức TB.

3. Định hướng công tác đào tạo cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế

Trên cơ sở những căn cứ lý luận và thực tiễn trên, đề tài bước đầu đề xuất các định hướng công tác đào tạo cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế. Để đảm bảo tính khách quan và xác định được chính xác các định hướng phù hợp chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 83 chuyên gia và nhà quản lý TDTT. Kết quả phỏng vấn trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn xác định định hướng đào tạo cử nhân TDTT chuyên ngành Điện kinh đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội (n=83)

TT	Các định hướng đào tạo	Kết quả trả lời			Tổng	
		Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Điểm	%
		n	n	n		
1	Giữ nguyên quy mô đào tạo sinh viên chuyên ngành với số lượng hàng năm dao động từ 30-40 sinh viên	81	2	0	247	99.2
2	Nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên chuyên ngành Điện kinh thông qua tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các kiến thức chuyên môn	65	14	4	225	90.3
3	Tăng cường trang bị các kỹ năng mềm cho sinh viên chuyên ngành Điện kinh	73	9	1	238	95.6
4	Tập trung sản phẩm đào tạo vào khối các ngành nghề có tiềm năng phát triển cao trong tương lai như: Các cơ sở kinh doanh TDTT, các trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT và trường học các cấp	62	15	6	222	89.2
5	Nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm phù hợp cho sinh viên	80	2	1	245	95.1

Với kết quả phỏng vấn các chuyên gia, các nhà quản lý TDTT chúng tôi lựa chọn cả 5 định hướng với các mức độ ưu tiên được xác định từ 89,2 đến 99,2%. Trên cơ sở đó đồng thời xây dựng và đề xuất các giải pháp phù hợp với định hướng đã được xác định trong đào tạo cử nhân

TDTT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

Chúng tôi tiến hành khảo sát tính khả thi theo thang đo Likert với 5 mức đánh giá tương ứng:

Rất không khả thi - Từ 1.00-1.80 điểm; Không khả thi: Từ 1.81-2.60 điểm; Trung bình: Từ 2.61-3.40 điểm; khả thi: Từ 3.41-4.20; Rất khả thi: Từ 4.21-5.00 điểm. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Kết quả khảo sát đánh giá tính khả thi của các định hướng đào tạo cử nhân TDDT chuyên ngành Điện kinh đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập của xã hội (n=83)

TT	Định hướng đào tạo	Kết quả khảo sát (điểm)		
		Tổng điểm	Trung bình	Đánh giá
1	Giữ nguyên quy mô đào tạo sinh viên chuyên ngành với số lượng hàng năm dao động từ 30-40 sinh viên	363	4.37	Rất khả thi
2	Nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên chuyên ngành Điện kinh thông qua tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các kiến thức chuyên môn	371	4.47	Rất khả thi
3	Tăng cường trang bị các kỹ năng mềm cho sinh viên chuyên ngành Điện kinh	363	4.37	Rất khả thi
4	Tập trung sản phẩm đào tạo vào khối các ngành nghề có tiềm năng phát triển cao trong tương lai như: các cơ sở kinh doanh TDDT, các trung tâm huấn luyện và thi đấu TDDT và trường học các cấp	384	4.63	Rất khả thi
5	Nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm phù hợp cho sinh viên	374	4.51	Rất khả thi

Qua bảng 5 cho thấy: 05 định hướng đề xuất của đề tài đều được đánh giá ở mức rất khả thi, đảm bảo cho sự triển khai thành công trong thực tiễn đào tạo cử nhân TDDT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

KẾT LUẬN

1. Thực trạng việc làm của sinh viên ra trường đã phản ánh đúng xu hướng phát triển và phù hợp với dự báo nhu cầu nguồn nhân lực chuyên ngành Điện kinh giai đoạn 2025 và tầm nhìn 2030.

2. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 17 tiêu chí, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TDDT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh.

3. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất được 5 định hướng công tác đào tạo cử nhân TDDT chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học TDDT Bắc Ninh đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế giai đoạn 2025 và tầm nhìn 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2008), *Tiêu chuẩn các ngạch viên chức ngành Thể dục*

thể thao, ban hành theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL.

2. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2008), *Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch, theo Quyết định số 61/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 31/7/2008.*

3. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2011), *Phê duyệt đề án chiến lược phát triển nhân lực VHTT&DL 2011 - 2020, kèm theo Quyết định số 1060/QĐ-BVHTTDL ngày 29/3/2011.*

4. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2011), *Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực nhóm ngành Văn hóa, Thể thao 2011 - 2020" kèm theo Quyết định số 3067/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hà Nội.*

5. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ (2014), *Ban hành quy định về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao, theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TLLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014.*

(Bài nộp ngày 13/12/2021, phản biện ngày 14/2/2022, duyệt in ngày 6/5/2022
Chịu trách nhiệm chính: Vũ Quỳnh Như
Email: vuquynhnhu101975@gmail.com)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Chủ tịch Hồ Chí Minh với những sự kiện lịch sử quan trọng của Ngày thể thao Việt Nam

BÀI BÁO KHOA HỌC

7. Nguyễn Thị Hồng Liên

Đánh giá hiệu quả tác động của chính sách phát triển thể dục thể thao cho mọi người đến kinh tế và xã hội

12. Đặng Văn Dũng

Thực trạng phân biệt đối xử với người khuyết tật trong tập luyện thể dục thể thao ở các Trung tâm văn hóa đô thị

15. Vũ Quỳnh Như; Trần Ngọc Dũng; Chu Vương Thìn

Thực trạng và định hướng đào tạo cử nhân thể dục thể thao chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đáp ứng nhu cầu xã hội đến năm 2025 và tầm nhìn 2030

21. Đặng Hoài An; Nguyễn Như Quỳnh

Thực trạng công tác quản lý học tập của vận động viên tại Trung tâm Đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

26. Nguyễn Văn Phúc; Phan Hoàng Lan

Thực trạng hiệu quả quảng bá, tư vấn tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

31. Đinh Khánh Thu; Vũ Bá Mỹ; Lưu Thị Như Quỳnh

Giải pháp xây dựng môi trường văn hóa tại Trung tâm Đào tạo vận động viên, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

36. Phạm Đức Viễn; Nguyễn Xuân Thuyết

Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

41. Nguyễn Văn Long

Giải pháp tập luyện ngoại khóa các môn học thực hành Điện kinh cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

44. Ngô Mạnh Cường

Thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

49. Lê Đức Long

Xây dựng chương trình dạy bơi ban đầu, phòng chống đuối nước cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

54. Nguyễn Mạnh Toàn

Thực trạng dạy học môn học Quần vợt đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

60. Phùng Xuân Dũng; Hà Hoài Phong

Ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường Trung học phổ thông Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

64. Lương Thị Ánh Ngọc; Lê Ngọc Nguyên

Thực trạng thể lực chuyên môn của nam vận động viên Muay cầu lạc bộ Tây Thạnh

68. Nguyễn Ngọc Ánh

Thực trạng kỹ thuật đập bóng lao ngắn của Đội tuyển Bóng chuyền nam Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

71. Lê Thị Tuyết Thương

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam thăm và kiểm tra công tác chuẩn bị SEA Games 31 tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

74. Trần Văn Khôi

Kế hoạch hướng dẫn toàn dân tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc, thể lực, phòng, chống bệnh tật giai đoạn 2021-2025

77. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Hiếu

Bài tập tạ tay tại nhà

80. Thể lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

President Ho Chi Minh and important historical events of Vietnam Sports Day

ARTICLES

34. Nguyen Thi Hong Lien

Evaluating the effectiveness of sports for human development policies on the economy and society

12. Dang Van Dung

Discrimination against people with disabilities (PWDs) at sports centers in urban cultural centers

15. Vu Quynh Nhu; Tran Ngoc Dung; Chu Vuong Thin

Current status and educational orientation of Sports Bachelor in Athletics at Bac Ninh Sports University social in order to satisfy society's demand by 2025 with a vision to 2030

21. Dang Hoai An; Nguyen Nhu Quynh

Actual situation of athletes' learning management at the Athlete Training Center of Bac Ninh Sports University

26. Nguyen Van Phuc; Phan Hoang Lan

Actual effectiveness in advertising, promoting and consulting works for regular college admissions of Bac Ninh Sports University

31. Đinh Khanh Thu; Vu Ba My; Luu Thi Nhu Quynh

Solutions to create a cultural environment at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

36. Pham Duc Vien; Nguyen Xuan Thuyet

The current situation of factors ensuring the content implementation of the PE Bachelor's training program at Tay Bac University

41. Nguyen Van Long

Choosing solutions to practice Athletics extracurricular activities for students at Danang Sports University

44. Ngo Manh Cuong

Actual situation of student's extracurricular sports activities at Information and Communication Technology University - Thai Nguyen University

49. Le Duc Long

Developing an initial swimming teaching program in order to prevent drown accident for primary students in Bac Ninh province

54. Nguyen Manh Toan

Evaluate the current situation of tennis teaching methodology for students at Hanoi University of Physical Education and Sports

60. Phung Xuan Dung; Ha Hoai Phong

Research on some physical games to develop general fitness for grade-10 students at Loc Thanh High School, Bao Lam District, Lam Dong Province

64. Luong Thi Anh Ngoc; Le Ngoc Nguyen

Current status of professional fitness of male Muay athletes of Tay Thanh club

68. Nguyen Ngoc Anh

Actual situation of short-distance ball-hitting technique of Men Volleyball Team at the Bac Ninh Sports University

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

71. Le Thi Tuyet Thuong

Deputy Prime Minister Vu Duc Dam visited and examined the preparation progress for the 31st SEA Games at Bac Ninh Sports University

74. Tran Van Khoi

The plan to instruct residents to practice sports and improve health, develop stature, physical strength, prevent and fight diseases in the 2021-2025 period

77. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Hieu

Arm dumbbell exercises at home

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 2-2022
(69)

